

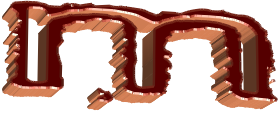



For students at **elite** – THE INTERNATIONAL ENGLISH SCHOOL

- ☆ 193-193A Ba Thang Hai Street, District 10 – 835 2174 - 839 7354 ☆ 15-19-21 Nguyen Kiem Street, Go Vap District – 985 1601 - 894 0461
 ☆ 26 Hoang Van Thu Street, Phu Nhuan District – 9903 440 - 9903 469 ☆ 7A Cong Hoa Street, Tan Binh District – 948 4623 - 948 4628

🕒 Thông thường, có hai cách nói giờ như sau:

	6.05	five past six hoặc six (oh) five
	6.10	ten past six hoặc six ten
	6.15	(a) quarter past six hoặc six fifteen
	6.20	twenty past six hoặc six twenty
	6.25	twenty-five past six hoặc six twenty-five
	6.30	half past six hoặc six thirty
	6.35	twenty-five to seven hoặc six thirty-five
	6.40	twenty to seven hoặc six forty
	6.45	(a) quarter to seven hoặc six forty-five
	6.50	ten to seven hoặc six fifty
	6.55	five to seven hoặc six fifty-five
	7.00	seven o'clock



🕒 Người ta thường sử dụng cách “**phút + past/to**” khi có số phút lẻ, không tròn năm như “**seven minutes past six, four minutes to seven**”.

🕒 Đôi lúc, người ta bỏ bớt “**past**” khi nói “**half past**” trong những tình huống thân tình, không trang trọng (informal): “**Okay, see you at half four.**” (4.30 chứ không phải 3.30)

🕒 Nếu giờ được hiểu ngầm với nhau hay qui ước trước trong những tình huống thân tình, người ta dùng “**half past**” hay “**quarter to**”: “**Hurry up. We've got to be there at quarter to.**”

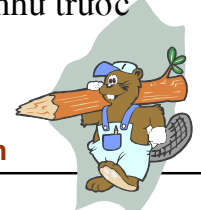
hour - minute - second

🕒 Cụm từ “**o'clock**” chỉ sử dụng với giờ: “**The first meeting is at seven (o'clock). Wake me at ten past six.**” (Wake me at ten past six o'clock.) – Người ta hay bỏ “**o'clock**” trong những tình huống không trang trọng: “**The concert starts at seven.**”

🕒 Trong tiếng Mỹ (American English) và nhất là do việc giao tiếp bằng Internet ngày



càng phát triển, người ta có khuynh hướng sử dụng dấu hai chấm (colons) để chỉ thời gian thay vì dấu chấm như trước đây. Ví dụ **3:40, 10:05, 13:25**



Compiled by **Mr. MaxEnglish**